

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Châu Văn B, sinh năm 1986.

Cư trú: Số 827/12/14 Tỉnh lộ M, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2017 của nguyên đơn – ông Lưu Khánh V – Chủ hộ kinh doanh T.C và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là trình bày:

Theo hợp đồng số thuê dịch vụ bảo vệ: 0102/HDDV 2015 ngày 14/4/2015 được ký giữa ông Lưu Khánh V – Chủ hộ kinh doanh T.C và Công ty TNHH dịch vụ TT (sau đây gọi là Công ty TT) thì Công ty TT thực hiện dịch vụ về trông coi kiểm soát xe, giữ xe cho khách và nhân viên tại quán cà phê –bida T.C tại địa chỉ số 331-333 đường V, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Vào lúc 20 giờ 20 phút ngày 25/04/2015, ông Châu Văn B là khách hàng đến uống cà phê tại quán cà phê – bida T.C tại địa chỉ nêu trên. Ông B gửi cho quán trông coi chiếc xe nhãn hiệu Honda, số loại AIR BLADE, biển số X, số máy F46E – 2026597, số khung 16EY – 018733 thì xảy ra việc mất xe. Trong ngày xảy ra vụ việc mất xe, ông Phạm Văn Th đã đại diện cho Công ty TT xuống làm việc với ông B. Tại bản tường trình ngày 25/4/2015, ông Phạm Văn Th đã xác nhận việc mất xe là do nhân viên Nguyễn Văn Thanh của Công ty TT lấy mất, đồng thời cũng xác nhận sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho ông B. Ông V cũng đồng ý hỗ trợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho công ty TT để bồi thường cho ông B. Tuy nhiên, Công ty TT đã không thực hiện đúng cam kết bồi thường cho ông B theo như đã thỏa thuận.

Tại Bản án số 1414/2016/DS-PT ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã buộc ông V phải bồi thường tài sản bị mất cho ông B số tiền 29.000.000 đồng và chi phí giám định 7.000.000 đồng Do vậy, ông V khởi kiện đến Tòa yêu cầu Công ty TT phải bồi thường tài sản bị mất mà ông V đã bồi thường cho khách hàng với số tiền 29.000.000 đồng và tiền chi phí định giá 7.000.000 đồng , tổng cộng là 36.000.000 đồng . Yêu cầu bồi thường một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Châu Văn B trình bày: Trước đây ông có khởi kiện ông Lưu Khánh V tại Tòa án nhân dân Quận B để tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản tại quán cà phê- bida T.C. Vụ việc đã được Tòa án xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, buộc ông V bồi thường cho ông số tiền 29.000.000 đồng và chi phí định giá cho ông 7.000.000 đồng tổng cộng số tiền là 36.000.000 đồng. Đối với việc ông V khởi kiện Công ty TT, ông không có ý kiến và tranh chấp gì. Ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai đối với Công ty TNHH dịch vụ TT, có bà Ngô Thị Châu H là đại diện theo pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đại diện công ty TT vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/KDTM-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 518; Điều 521 và Điều 522 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Khánh V - chủ quán cà phê – bida T.C.

Buộc công ty TNHH dịch vụ TT bồi thường cho ông Lưu Khánh V - chủ quán cà phê – bida T.C số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lưu Khánh V - chủ quán cà phê – bida T.C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty TNHH dịch vụ TT chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng công ty TNHH dịch vụ TT phải chịu thêm tiền lãi tính theo mức lãi suất nợ cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đôi bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí KDTMST: Công ty TNHH dịch vụ TT phải chịu án phí số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Ông Lưu Khánh V - chủ quán cà phê – bida T.C không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho ông Lưu Khánh V - chủ quán cà phê – bida T.C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0001942 ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/02/2018, Bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Nộp đến Tòa án ngày 27/02/2018.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0310806350 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/8/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Ngô Thị Châu H là đại diện pháp luật của Công ty TT và địa chỉ trụ sở tại 7/14/1A6 đường M, khu phố 3, phường A, Quận C, Thành phố

Hồ Chí Minh. Tuy nhiên do khi đăng ký có sự nhầm lẫn về địa chỉ trụ sở và thực tế Công ty không có hoạt động tại địa chỉ trên. Trong quá trình tòa án giải quyết thì Công ty TT không biết nên không tham gia tố tụng được. Chỉ khi tài khoản của Công ty bị Chi cục Thi hành án Quận B phong tỏa thì chúng tôi tìm hiểu mới biết Tòa án đã xét xử vụ án. Công ty TT không ký hợp đồng với ông Lưu Khánh V. Công ty không có ai tên Phạm Văn Th cũng như không ủy quyền cho ông Th ký hợp đồng nên không chấp nhận bồi thường cho ông V như quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Công ty TT được tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Công ty TT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18/7/2018, Tòa án nhân dân Quận B xét xử sơ thẩm. Ngày 28/02/2018 Tòa án nhân dân Quận B nhận đơn kháng cáo của Công ty TT. Do vậy việc kháng cáo của Công ty TT là thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn theo luật định. Tuy nhiên đơn kháng cáo quá hạn của Công ty TT đã được chấp nhận theo Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 34/2018/QĐ-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24/8/2018, Công ty TT đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do vậy, đơn kháng cáo của Bị đơn được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, nơi thực hiện hợp đồng là hộ kinh doanh T.C có địa chỉ tại 331-333 Vành Đai Trong, phường Bình Trị Đông B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án nhân dân Quận B căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1] Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0310806350 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/8/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Ngô Thị Châu H là đại diện pháp luật của Công ty TT; địa chỉ trụ sở và địa chỉ của người đại diện pháp luật là tại 7/14/1A6 đường M khu phố 3, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Biên bản không thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp cho đương sự ngày 20/7/2017, Văn phòng thừa phát lại Quận B đã ghi nhận về việc không thể thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đại diện Công ty TNHH Dịch vụ TT tại địa chỉ 7/14/1A6 đường M khu phố 3, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành niêm yết các văn bản trên. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 về việc trả lời công văn số 3723/TATP-TKT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã

xác nhận tại địa chỉ 77/14/1A6 đường M khu phố 3, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không có đương sự tên Ngô Thị Châu H. Theo bản sao sổ hộ khẩu mà bà Hằng nộp cho Tòa án thì địa chỉ cư trú của bà Hằng là số 679/57 đường QT, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận B không tiến hành xác minh địa chỉ của đương sự mà lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với đại diện bị đơn là bà Ngô Thị Châu H là không đúng Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc Tòa án sơ thẩm căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TT nhưng chưa thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TT. Kháng cáo của Công ty TT cho rằng chưa được tổng đạt để tham gia tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở. Do vậy căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm mới đảm bảo đúng pháp luật.

[2.2] Ngoài ra, tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty TT và ông V thì người đại diện cho Công ty TT là ông Phạm Văn Th. Tại phiên Tòa phúc thẩm thì Công ty TT cho rằng không biết hợp đồng nêu trên và không ủy quyền cho ông Th ký hợp đồng. Phía ông V cũng thừa nhận ông Th là người trực tiếp nhận tiền dịch vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập ông Th để làm rõ trách nhiệm của ông Th đối với việc ký kết hợp đồng dịch vụ nêu trên. Do vậy khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm thì cần thiết phải triệu tập ông Th để làm rõ nội dung trên để từ đó xác định trách nhiệm theo hợp đồng mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Về nội dung: Do hủy bản án sơ thẩm về vi phạm thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét về nội dung của bản án sơ thẩm cũng như nội dung kháng cáo khác của phía bị đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ TT. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH dịch vụ TT được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0030164 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận B
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi Cục Thi hành án dân sự quận B;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy